

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ
MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 khu B tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	...	560.364.116.225	545.201.361.596
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	5.859.276.128	4.220.679.853
1. Tiền	111	V.01	5.859.276.128	4.220.679.853
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	V.02	6.385.510.455	6.385.510.455
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...	-3.891.689.545	-3.891.689.545
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	...	290.686.465.114	321.480.573.912
1. Phải thu khách hàng	131	...	252.910.926.328	276.066.833.125
2. Trả trước cho người bán	132	...	28.281.024.905	33.633.574.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	13.182.834.357	15.468.486.635
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...	-3.688.320.476	-3.688.320.476
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	214.319.112.021	183.597.204.482
1. Hàng tồn kho	141	V.04	214.319.112.021	183.597.204.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	43.113.752.507	29.517.392.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	8.074.344.316	16.156.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	18.502.397.837	14.272.917.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	16.537.010.354	15.228.318.447
B. Tài sản dài hạn	200	...	395.007.901.052	404.838.112.558
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...	18.000.000	6.911.555.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		6.911.555.361
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07	18.000.000	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	364.588.442.762	367.279.999.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	38.205.352.403	41.003.908.469
- Nguyên giá	222	...	134.311.677.038	134.311.677.038
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-96.106.324.635	-93.307.768.569
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.636.742.700	1.639.533.150
- Nguyên giá	228	...	2.175.809.000	2.175.809.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-539.066.300	-536.275.850
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	324.746.347.659	324.636.557.858
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.12		
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...	1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	...		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...		
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	28.886.458.290	29.131.557.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	27.393.624.271	27.620.723.703
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	1.353.022.579	1.353.022.577
3. Tài sản dài hạn khác	268	...	139.811.440	157.811.440
Tổng cộng tài sản	250		955.372.017.277	950.039.474.154

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	...	798.049.221.632	793.688.795.992
I. Nợ ngắn hạn	310	...	557.533.577.739	553.862.379.259
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	169.969.116.496	175.950.395.357
2. Phải trả người bán	312	...	84.215.079.666	80.038.340.070
3. Người mua trả tiền trước	313	...	94.616.917.003	93.637.906.789
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	63.614.604.226	63.609.468.501
5. Phải trả công nhân viên	315	...	19.125.464.792	13.980.037.497
6. Chi phí phải trả	316	V.17	66.527.379.730	70.349.470.900
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	50.215.360.043	47.029.104.362
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...	6.800.435.883	6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	2.449.219.900	2.467.219.900
II. Nợ dài hạn	330	...	240.515.643.893	239.826.416.733
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...	19.003.172.740	19.003.172.740
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	474.366.000	474.366.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	206.390.003.152	205.890.003.152
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	14.648.102.001	14.458.874.841
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	134.106.403.214	122.843.356.858
I. Vốn chủ sở hữu	410	...	134.106.403.214	122.843.356.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	77.350.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...	-2.173.072.866	-2.392.311.120
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	36.681.232.950	34.022.512.207
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	4.485.980.452	4.163.010.575
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	5.835.085.451	5.122.967.969
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	...		
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	V.28	23.216.392.431	33.507.321.304
Tổng cộng nguồn vốn	440		955.372.017.277	950.039.474.154

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản phải trả	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài			
Vật tư hàng hoá nhận giữ hội, nhận gia công			
Hàng hoá nhận bán hội, nhận ký gửi			
Nợ khó đòi đã xử lý			
Ngoại tệ các loại			27.283,87
Hạn mức kinh phí			
Nguồn vốn khấu hao cơ bản			

LẬP BIỂU

Mai Thị Na

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đàm Trung Kiên

Đàm Trung Kiên

Hà Nội ngày 15 tháng 04 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 khu B tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	19.682.058.711	42.101.249.682	19.682.058.711	42.101.249.682
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	3	...		25.033.242		25.033.242
+ Chiết khấu thương mại	4	...				
+ Giảm giá hàng bán	5	...		25.033.242		25.033.242
+ Hàng bán bị trả lại	6	...				
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	...	19.682.058.711	42.076.216.440	19.682.058.711	42.076.216.440
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	13.653.424.327	27.193.786.259	13.653.424.327	27.193.786.259
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	...	6.028.634.384	14.882.430.181	6.028.634.384	14.882.430.181
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	4.369.352.854	40.543.369	4.369.352.854	40.543.369
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.380.888.209	3.943.115.675	5.380.888.209	3.943.115.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5.376.546.679	3.943.115.675	5.376.546.679	3.943.115.675
8. Chi phí bán hàng	24	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	3.694.304.052	3.720.503.841	3.694.304.052	3.720.503.841
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	1.322.794.977	7.259.354.034	1.322.794.977	7.259.354.034
11. Thu nhập khác	31	...	1.059.952		1.059.952	
12. Chi phí khác	32	...	332.154.629	3.250.390.030	332.154.629	3.250.390.030
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-331.094.677	-3.250.390.030	-331.094.677	-3.250.390.030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50	...	991.700.300	4.008.964.004	991.700.300	4.008.964.004
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	279.582.818	999.150.535	279.582.818	999.150.535
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	712.117.482	3.009.813.469	712.117.482	3.009.813.469
17. Lợi ích cổ đông thiểu số	70			504.502.357		504.502.357
18. Lợi ích của Công ty (60-70)	80		712.117.482	2.505.311.112	712.117.482	2.505.311.112
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	92	430	92	430

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, toà nhà Ông Đà, đường Phạm Hùng, Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(QUÝ I NĂM 2014 THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ I-2014	QUÝ I - 2013
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	01	137.301.346.871	143.308.777.823
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-26.114.862.027	(16.030.227.386)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-11.638.446.703	(15.561.722.804)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-4.453.495.275	(6.973.724.977)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-500.000.000	0
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.405.526.626	18.911.768.785
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-73.030.400.025	(77.195.574.262)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.969.669.467	46.459.297.179
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	0	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.725.952	40.548.415
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.725.952	40.548.415
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	260.000.000	1.000.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.300.000.000	7.070.000.000

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ I-2014	QUÝ I - 2013
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-46.908.799.144	(47.362.782.072)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-41.348.799.144	-39.292.782.072
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	1.638.596.275	7.207.063.522
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.220.679.853	12.607.583.333
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		5.859.276.128	19.814.646.855

Hà nội, ngày 15 tháng 04 năm 2013

LẬP BIỂU

Mai Thị Na

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đàm Trung Kiên

Đàm Trung Kiên



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí
- Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
- Tổng số các công ty con** : 04
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	93,13%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69,01%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các công ty con sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{c} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng văn phòng.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty mẹ và các công ty con phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty mẹ và các công ty con không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ và các công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty mẹ và các công ty con gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty mẹ và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty mẹ và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.720.288.386	1.758.560.072
Tiền gửi ngân hàng	2.138.987.742	2.462.119.781
Cộng	5.859.276.128	4.220.679.853

2. Đầu tư ngắn hạn

Số cuối năm

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm		.
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.891.689.545)	(3.891.689.545)
Hoàn nhập dự phòng		
	(3.891.689.545)	(3.891.689.545)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CBCNV	1.862.974.295	1.356.603.713
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - mua cổ phiếu	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	6.143.301.295	6.143.301.295
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	3.000.000.000
Thuế GTGT đầu vào chưa có hóa đơn		
BHXH Hòa Bình trợ cấp theo chế độ	579.030.220	582.104.897
Phải thu khác	865.528.547	3.154.476.730
Cộng	13.182.834.357	15.468.486.635

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dưới 1 năm		
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.882.567.563)	(1.882.567.563)
- Trên 3 năm	(1.805.752.913)	(1.805.752.913)
Cộng	(3.688.320.476)	(3.688.320.476)

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	(3.388.320.476)	(3.581.283.881)
------------	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số trích trong năm					(107.036.595)
Hoàn nhập trong năm					
Số cuối năm			(3.688.320.476)		(3.688.320.476)
6. Hàng tồn kho					
		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Nguyên liệu, vật liệu		12.510.642.396		8.428.462.774	
Công cụ, dụng cụ		658.349.446		677.948.447	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		201.150.120.179		174.490.793.261	
Cộng		214.319.112.021		183.597.204.482	
7. Tài sản ngắn hạn khác					
		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Tạm ứng		16.160.542.168		14.849.892.447	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		378.426.000		378.426.000	
Cộng		16.537.010.354		15.228.318.447	
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.554.982.469	79.189.863.234	33.158.514.948	2.408.316.387	134.311.677.038
Số cuối năm	19.554.982.469	79.189.863.234	33.158.514.948	2.408.316.387	134.311.677.038
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.343.876.984	54.815.130.951	26.872.781.147	1.275.979.487	93.307.768.569
Khấu hao trong kỳ	846.653.288	1.376.599.725	404.451.934	170.851.119	2.798.556.066
Số cuối năm	11.190.530.272	56.191.730.676	27.277.233.081	1.446.830.606	96.106.324.635
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.311.010.485	24.374.732.283	6.285.733.801	1.132.336.900	41.003.908.469
Số cuối năm	8.364.452.197	22.998.132.558	5.881.281.867	961.485.781	38.205.352.403
Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 40.739.689.387 VND và 13.905.091.932 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.					
9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình					
	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính		Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000		2.175.809.000
Tăng trong năm					
Giảm trong năm					
Số cuối năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000		2.175.809.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	36.275.850	536.275.850
Khấu hao trong năm			2.790.450	2.790.450
Giảm trong năm				
Số cuối năm		500.000.000	36.066.300	539.066.300
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000		19.533.150	1.639.533.150
Số cuối năm	1.620.000.000		16.742.700	1.636.742.700

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	22.000.000			22.000.000
XDCB dở dang	324.586.618.858	22.831.967.615		324.586.618.858
Công trình thủy điện Nậm Ly	117.275.641.787	332.225.402	378.242.583	117.229.624.606
Công trình thủy điện Bắc Giang	207.297.882.435	155.806.982		207.453.689.417
Trụ sở văn phòng Hà Giang	41.033.636			41.033.636
Cộng	324.636.557.858	488.032.384	378.242.583	324.746.347.659

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà (nhận ủy thác đầu tư)	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		1.515.000.000		1.515.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất Xương cơ khí Đà Nẵng	8.233.516.252			8.233.516.252
Công cụ dụng cụ	136.539.999			136.539.999
Sửa chữa văn phòng	179.512.306		122.742.374	56.769.932
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	43.106.806			43.106.806

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê văn phòng	19.028.048.340	104.357.058	18.923.691.282
Cộng	27.620.723.703	227.099.432	27.393.624.271

13. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.005.964.780	143.314.151.798
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	134.005.964.780	143.314.151.798
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	30.041.020.369	30.041.020.369
- Tổng Công ty Sông Đà	34.314.984.571	29.314.984.571
- Vay Cán bộ Công nhân viên	656.292.145	726.035.798
Vay dài hạn đến hạn trả	691.875.000	2.595.223.190
Cộng	169.669.116.496	175.950.395.357

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.782.678.533	175.921.745		45.958.600.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.370.542.430	279.582.818	500.000.000	13.150.125.248
Thuế thu nhập cá nhân	1.703.907.328	52.010.836	2.379.674	1.753.538.490
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.752.340.210			2.752.340.210
Thuế môn bài		20.000.000	20.000.000	.
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	63.609.468.501	527.515.399	522.379.674	63.614.604.226

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Bán vật tư, thiết bị	5-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	991.700.300	4.008.964.004
Lỗ các năm trước được chuyển		12.361.864
Thu nhập tính thuế	991.700.300	3.996.602.140
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	23%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	279.582.818	999.150.535
Thuế nhà đất		
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.		
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
16. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền vay	43.675.533.504	43.569.645.427
Chi phí công trình	20.854.108.307	24.540.912.691
Chi phí khác	1.997.737.919	2.238.912.781
Cộng	66.527.379.730	70.349.470.899
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.857.196.225	2.771.119.811
BHXH, BHYT, BHTN	20.410.749.409	19.526.286.983
Cổ tức phải trả	8.870.586.295	6.347.402.440
Tổng Công ty Sông Đà	4.714.636.800	4.190.028.236
Quỹ tự nguyện	64.422.244	14.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	380.207.457	6.347.402.440
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	1.450.000.000	1.450.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Tiền phạt nộp chậm thuế	4.047.207.088	
Các khoản phải trả khác	6.270.517.639	5.232.179.953
Cộng	50.215.360.043	47.029.104.362
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Là chi phí dự phòng bảo hành các công trình Thủy điện như Nậm Chiến, Nậm Khánh, Sứ Pán 2...có thời gian bảo hành là 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 - 3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.		
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số cuối kỳ	Năm trước
Số đầu năm	2.467.219.900	1.260.780.274
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		1.269.539.626
Chi quỹ	(18.000.000)	(63.100.000)
Số cuối năm	2.449.219.900	2.467.219.900
20. Phải trả dài hạn khác		
Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.		
21. Vay và nợ dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱ⁾	127.591.970.171	127.591.970.171
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	78.567.407.981	78.067.407.981
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	230.625.000	230.625.000
Cộng	206.390.003.152	205.890.003.152

(i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009-HĐTD-Bắc Giang và số 02/2009-HĐTD-Bắc Giang ngày 21 tháng 01 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án thủy điện Bắc Giang với hạn mức tối đa là 141.406.000.000 VND và 3.710.000 USD, thời hạn vay là 13 năm 6 tháng, ân hạn 2 năm 9 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 4,2%/năm với khoản vay VND và cộng 3% với khoản vay bằng ngoại tệ, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Bắc Giang.

(ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Nậm Ly 1.

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	10.974.253.051	12.233.685.886
Hợp đồng có rủi ro lớn	3.673.848.950	2.225.188.955
Cộng	14.648.102.001	14.458.874.841

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến, Bắc Hà có thời gian bảo hành trên 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 -3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.

Hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty mẹ trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	11.927.177.227	(2.392.311.120)	34.022.512.207	4.163.010.575	5.122.967.969	122.843.356.858
Lợi nhuận trong năm nay						712.117.482	712.117.482
Trích lập các quỹ trong năm nay				2.658.720.743	322.969.877		2.981.690.620
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số							
Chia cổ tức năm nay			219.238.254				7.350.000.000
Tăng do sáp nhập CP HB	7.350.000.000						219.238.254
Chênh lệch tỷ giá hối đoái			(2.173.072.866)	36.681.232.950	4.485.980.452	5.835.085.451	134.106.403.214
Số dư cuối năm nay	77.350.000.000	11.927.177.227	(2.173.072.866)	36.681.232.950	4.485.980.452	5.835.085.451	134.106.403.214

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.277	81.927.177.227

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.735.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.735.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Tổng doanh thu	19.682.058.711	42.101.249.682
- Doanh thu bán hàng hóa		
- Doanh thu bán thành phẩm		567.272.728
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		41.471.387.086
- Doanh thu hoạt động xây lắp	19.682.058.711	62.589.868
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác		25.033.242
Các khoản giảm trừ doanh thu:		25.033.242
- Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	19.682.058.711	42.076.216.440

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		567.272.728
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		41.446.353.844
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	19.682.058.711	62.589.868
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác		

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp		554.489.810
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	13.653.424.327	26.757.328.974
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác		56.904.868
Cộng	<u>13.653.424.327</u>	<u>27.193.786.259</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Là lãi tiền gửi ngân hàng.		
4. Chi phí tài chính		
	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Chi phí lãi vay	5.376.546.679	3.943.115.675
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.341.530	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Cộng	<u>5.380.888.209</u>	<u>3.943.115.675</u>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Chi phí cho nhân viên	1.792.160.885	1.836.107.731
Chi phí vật liệu quản lý	150.199.611	169.226.375
Chi phí đồ dùng văn phòng	120.527.273	4.702.675
Chi phí khấu hao TSCĐ	300.627.621	328.611.075
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	108.847.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.231.602	807.232.437
Chi phí bằng tiền khác	622.557.060	465.775.759
Cộng	<u>3.694.304.052</u>	<u>3.720.503.841</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Xử lý công nợ		
Chiết khấu thương mại được hưởng		
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Các khoản khác	1.059.952	
Cộng	<u>1.059.952</u>	
7. Chi phí khác		
	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>
Lãi chậm nộp BHXH, BHYT	332.154.629	533.482.879
Thuế bị phạt, bị truy thu		2.716.907.151
Chi phí khác		
Cộng	<u>332.154.629</u>	<u>3.250.390.03062</u>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Quý I/2014</u>	<u>Quý I/2013</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý I/2014	Quý I/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	712.117.482	2.505.311.112
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	712.117.482	2.505.311.112
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.735.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	92	358

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2014

Người lập biểu

Mai Thị Na

Mai Thị Na

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Đàm Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Trần Thanh Sơn

**TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 43...CT/TCKT

Hà nội, ngày 12 tháng 04 năm 2014

(V/v Giải trình chênh lệch LNST hợp nhất
quý 1/2014 so với quý 1/2013)

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty CP Someco Sông Đà, mã chứng khoán MEC, xin báo cáo chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 1 năm 2014 so với quý 1 năm 2013:

DVT: Nghìn, đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý 1/2014	Quý 1/2013	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	19.682.058	42.076.216	-22.394.158	-46,77%
2	LN sau thuế	712.117	2.505.311	-1.793.194	-28,42%

Nguyên nhân chênh lệch:

- Về doanh thu: Giảm 22,39 tỷ đồng tương đương giảm 46,77% so với cùng kỳ năm 2013, do một số công trình chưa hoàn thành và tiến hành nghiệm thu trong quý 1 năm 2014.
- Về lợi nhuận: Giảm 1,79 tỷ đồng tương đương giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2013, do doanh thu giảm dẫn đến lợi nhuận giảm.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty
- Lưu TCKT; TCHC.

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thanh Pôn